PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG

Năm báo cáo: Năm 2017

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 29/UBCK/GPHĐKD ngày 18/12/2006
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 60.000.000.000 đ
- Địa chỉ: 102 Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.
- Số điện thoại: 02363.888456
- Số fax: 02363 888459
- Website: dnsc.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển

- *Quá trình hình thành*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng, tên giao dịch là DANANG SECURITIES COMPANY, viết tắt là DNSC, là công ty chứng khoán đầu tiên tại Miền Trung được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 29/UBCK/GPHĐKD ngày 18/12/2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 22 tỷ đồng, thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán. DNSC đặt trụ sở tại 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.

- Ngày 23/01/2007, DNSC được công nhận tư cách thành viên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM) theo Quyết định số 24/QĐ-TTGDHCM của Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- Để mở rộng địa bàn kinh doanh, DNSC lập Chi nhánh TP.HCM tại địa chỉ 414 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM theo Quyết định số 292/QĐ-UBCK ngày 04/05/2007 của Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.
- Ngày 22/08/2007, DNSC được công nhận tư cách thành viên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 203/QĐ-TTGDHN của Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 11/06/2008, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 131/UBCK-GP cho DNSC với việc tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng.

Signature Not Verified
Ký bởi: Nguyễn Vũ Thành
Ký ngày: 28/3/2018 10:43:24

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	**Số đầu năm**	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.961.700.362	20.549.526.485	43.961.700.362	20.549.526.485
Các khoản cho vay	7.081.900.000	25.927.300.000	2.354.699.706	21.258.762.342
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	6.854.979.259	16.694.310.772	1.657.067.630	5.039.957.710
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	35.800.000	-	35.800.000	-
Các khoản phải thu khác	254.428.285	248.375.035	11.768.193	5.714.943
Cộng	**58.188.807.906**	**63.419.512.292**	**48.021.035.891**	**46.853.961.480**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	103.817.815	90.211.160	103.817.815	90.211.160
Phải trả cho người bán	84.482.888	29.875.338	84.482.888	29.875.338
Các khoản phải trả khác	1.627.717	1.627.717	1.627.717	1.627.717
Cộng	**189.928.420**	**121.714.215**	**189.928.420**	**121.714.215**

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu, phải trả tương đương giá trị ghi sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định theo giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của cá khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

8.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Các báo cáo tài chính trên đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Tuy nhiên một số chỉ tiêu so sánh được Công ty trình bày lại cho phù hợp. Số liệu cụ thể như sau:

STT	Trên báo cáo tình hình tài chính	Số cuối năm trước đã được kiểm toán	Số đầu năm nay trình bày lại	Chênh lệch
	Tài sản			**(335.283.965)**
1.	Tiền	2.471.341.948	2.549.526.485	(78.184.537)
2.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	257.099.428	(257.099.428)
	Nguồn vốn			**(335.283.965)**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	-
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(251.645.025)	83.638.940	(335.283.965)
	Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính	**Số cuối năm trước đã được kiểm toán**	**Số đầu năm nay trình bày lại**	**Chênh lệch**
1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.759.440.213	5.681.255.676	78.184.537
2.	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	6.650.552.747	6.572.368.210	78.184.537

STT	Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Số năm trước đã được kiểm toán	Số năm trước trình bày lại	Chênh lệch
1.	Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	(231.407.587.000)	(230.400.372.578)	(1.007.214.422)
2.	Tiền lãi đã thu	805.150.500	1.931.360.767	(1.126.210.267)
3.	Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	(289.423.047)	(1.218.452.932)	929.029.885
4.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư	1.126.210.267	-	1.126.210.267
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ			-
	Tiền	2.471.341.948	2.549.526.485	(78.184.537)
	Trên Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác khách hàng	**Số năm trước đã được kiểm toán**	**Số năm trước trình bày lại**	**Chênh lệch**
	Lưu chuyển tiền hoạt động, ủy thác của khách hàng			
1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	887.701.668.693	886.694.454.271	1.007.214.422
2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(885.839.976.231)	(884.910.946.346)	(929.029.885)
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của			
	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.759.440.213	5.681.255.676	78.184.537
				-

8.6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

8.7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Đà nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
ĐẶNG THỊ HỒNG GIANG	ĐẶNG THỊ HỒNG GIANG	NGUYỄN VŨ THÀNH